

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ ĐẶC TRƯNG KINH TẾ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI – ĐẢNG CHỦ ĐỘNG BẢO VỆ MÌNH

Huỳnh Thanh Hiếu^{1*}

¹*Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang*

**Email: huynhthanhhieus@gmail.com*

Ngày nhận bài: 26/07/2022

Ngày nhận bài sửa sau phân biên: 12/09/2022

Ngày chấp nhận đăng: 19/11/2022

TÓM TẮT

Việc xác định đặc trưng kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vừa là nội dung cơ bản, vừa là mục tiêu quan trọng trong xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đặc trưng kinh tế được khẳng định hiện nay là kết quả đổi mới nhận thức sau quá trình tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận, vận dụng khoa học “quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” theo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đổi mới nhận thức về đặc trưng kinh tế của Đảng không chỉ tìm ra hướng đi đúng đắn đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, mà còn là trách nhiệm tự rèn, tự xây dựng và chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đảm bảo chắc chắn vai trò cầm quyền và chủ động bảo vệ mình của Đảng trước mọi luận điệu sai trái của các thế lực thù địch hiện nay.

Từ khóa: đặc trưng kinh tế, đổi mới nhận thức, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, xây dựng Đảng.

RENOVATING AWARENESS OF ECONOMIC CHARACTERISTICS DURING THE SOCIALIST PERIOD – THE PARTY’S INITIATIVE TO PROTECT ITSELF

ABSTRACT

The identification of economic characteristics in this period of Vietnam, that is middle of capitalism and socialism, is a basic content, as well as an important goal in building a socialist society in our country. The current economic characteristic is the result of cognitive innovation following the process of summarizing practice, supplementing theory, and applying science “the law of conformity of production relations to the development level of the productive forces” according to Marxism – Leninism into Vietnamese practice. Renovating the Party’s perception of economic characteristics not only finds the right path to the goal of “rich people, strong country, democracy, justice and civilization”, but also the responsibility for self-forging and self-construction; correcting and improving leadership capacity and combat strength; firmly ensuring the Party's ruling role and proactively protecting the Party against all false claims of current hostile forces.

Keywords: economic characteristics, party building, production relations, productive forces, renewing awareness.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử hàng ngàn năm xây dựng và phát triển, xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều mô hình kinh tế khác nhau, như: nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế tự cung, tự cấp, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sáng tạo đột phá trong nhận thức lý luận của Đảng ta, được định hình cơ bản tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986). Hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cho đến hiện nay là quá trình Đảng ta không ngừng kế thừa, vận dụng đúng đắn lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời sáng tạo, đổi mới thích ứng thực tiễn mỗi giai đoạn lịch sử, xã hội Việt Nam. Trong tiến trình phát triển, đặc trưng kinh tế của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa luôn có sự vận động và không ngừng hoàn thiện hơn, ngày càng đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Cho đến hiện nay, đặc trưng “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất (LLSX) hiện đại và quan hệ sản xuất (QHSX) tiến bộ phù hợp” là sự lựa chọn, xác định khoa học đúng đắn, là nội dung cốt yếu của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành tựu của thực tiễn hơn 35 năm xây dựng, phát triển đất nước là minh chứng vững chắc của tính ưu việt vượt trội của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn thực hiện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, tác giả vận dụng phương pháp luận biện chứng duy vật mác-xít (khách quan, phát triển, toàn diện, lịch sử – cụ thể, thực tiễn) xác định, lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu lý thuyết để phân tích, tổng hợp, khái quát tài liệu thứ cấp về “quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX” theo lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin và đặc trưng kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH)

ở Việt Nam. Từ đó, phân tích làm rõ sự kế thừa biện chứng của Đảng ta trong quá trình xác định, lựa chọn đặc trưng kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đồng thời, khái quát thành tựu từ thực tiễn thực hiện đặc trưng kinh tế để luận chứng rõ tính đúng đắn, khoa học, cách mạng sự đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về đặc trưng kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khủng hoảng của mô hình CNXH Xô-viết – yêu cầu Đảng Cộng sản Việt Nam đổi mới nhận thức về đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH

Từ sau chiến thắng của Liên Xô cùng đồng minh trước chủ nghĩa phát-xít, nhất là sau thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (năm 1949) và cách mạng Cu-ba (năm 1959), CNXH từ một nước đã trở thành hệ thống thế giới, trải dài từ châu Âu sang châu Á và cả khu vực Mỹ La-tinh. Sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một dòng thác cách mạng chủ đạo trong xu hướng phát triển của lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, bước sang thập kỷ 70, 80 của thế kỷ XX, các quốc gia theo mô hình CNXH Xô-viết đã xuất hiện tình trạng trì trệ, xã hội phát triển thiếu năng động và xuất hiện những biến cố chính trị (Hung-ga-ri, Tiệp Khắc). Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế xuất hiện ngày càng nhiều những khác biệt về nhận thức đối với những vấn đề lớn của thời đại, về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin về con đường, biện pháp xây dựng CNXH. Sự áp đặt, rập khuôn, máy móc trong vận dụng lý luận mác-xít về mô hình phát triển đã làm cho xã hội trở nên xơ cứng, thiếu tính năng động... Bên cạnh đó, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, đã ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chống phá với những âm mưu, thủ đoạn rất thâm độc, kết hợp vừa đe dọa về quân sự, vừa đẩy mạnh cuộc chiến tranh về tư tưởng, thực thi “chiến lược diễn biến hòa bình”, hình thành “chiến tranh lạnh”... đã đẩy các quốc gia xã hội chủ nghĩa vào cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém, phân tán nguồn lực cho phát triển. Đồng

thời, khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 xuất hiện, các quốc gia tư bản chủ nghĩa đã tận dụng triệt để những thành tựu của khoa học và công nghệ, thúc đẩy LLSX phát triển một cách vượt bậc, năng suất lao động gia tăng nhanh chóng, thúc đẩy sự hình thành tầng lớp trung lưu trong xã hội, tạo cảm giác hứng thú cho con người về sự phồn vinh của xã hội phương Tây, mặc dù về thực chất chỉ là giả tạo.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân đưa lại, song nguyên nhân chủ quan là bởi các Đảng Cộng sản đã phạm những sai lầm trong nhận thức về các quy luật kinh tế, lúng túng trong xử lý các vấn đề xã hội. Các biểu hiện giáo điều, rập khuôn, chủ quan duy ý chí không được phát hiện và khắc phục kịp thời. Việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung bao cấp là trở lực đối với sự phát triển kinh tế. Việc tập trung hóa ở mức độ cao đã hình thành một nền kinh tế chỉ huy, không tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa phát triển, năng suất lao động không được nâng cao, đời sống của nhân dân chậm được cải thiện. Mặt khác, trong nội bộ các Đảng Cộng sản, tình trạng quan liêu, đặc quyền, đặc lợi xuất hiện ngày càng trầm trọng. Các vấn đề trên chậm được phát hiện và khắc phục hiệu quả nên đã làm giảm sức mạnh của Đảng, niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa bị giảm sút.

Tất cả thực trạng trên cho thấy, khủng hoảng chế độ xã hội chủ nghĩa thập kỷ 70, 80 của thế kỷ XX là khủng hoảng mô hình CNXH Xô-viết, CNXH hiện thực đứng trước nguy cơ khủng hoảng, thoái trào. Do vậy, các nước xã hội chủ nghĩa phải hướng đến đổi mới mô hình CNXH, đảm bảo vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ nghĩa Mác – Lênin, bám sát yêu cầu từ thực tiễn xây dựng và phát triển ở mỗi quốc gia một cách linh hoạt, phù hợp, không ngừng đổi mới sáng tạo. Đảng Cộng sản Việt Nam sớm nhận rõ sứ mệnh lịch sử của mình trước quốc gia, dân tộc. Việc đổi mới nhận thức về con đường đi lên CNXH là một tất yếu khách quan của lịch

sử, trong đó cần đặc biệt coi trọng việc xác định đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, then chốt và cấp bách.

3.2. Nhận thức của Đảng ta về đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH là sự kế thừa, vận dụng sáng tạo “quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX” của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam

Đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam. Đất nước độc lập, thống nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhanh chóng bắt tay hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đạt nhiều thành tựu quan trọng sau hơn 20 năm bị chiến tranh tàn phá, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn của quốc gia. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan, đất nước đối mặt với tình trạng khó khăn, khủng hoảng kinh tế; trong xã hội manh nha, tiềm ẩn nguy cơ xuất hiện khủng hoảng chính trị; cùng với những bất lợi khi CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, làm cho sự nghiệp cách mạng nước ta đứng trước thử thách nghiêm trọng. Trước tình thế hiểm nghèo đó, một lần nữa, với trí tuệ và bản lĩnh của một chính đảng – Đảng Cộng sản chân chính, Đảng ta đã dũng cảm phát động và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt là đổi mới tư duy, nhận thức về đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa. Cụ thể:

1. Đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa được Đảng ta xác định lần đầu tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, đó là “có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991).

Đây là thời kỳ đỉnh điểm của khủng hoảng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu liên tục sụp đổ chế độ. Đảng ta đã nhận thức rõ nguyên nhân cơ bản của sự sụp đổ này ở các nước là do xa rời nguyên tắc cốt lõi trong xây dựng phương thức sản xuất XHCN, đó là phải luôn đảm bảo giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và quan hệ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Do vậy, một mặt xác định mục tiêu “có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại” để đảm bảo “cốt vật chất” của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mặt khác phải kiên định lập trường “chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu” để từ đó chủ động điều chỉnh, định hướng cho QHSX phát triển phù hợp với LLSX hiện thời. Đây là một sự lựa chọn sáng tạo, khoa học, đúng đắn của Đảng ta. Vậy nên, sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1986 – 2006) và 15 năm thực hiện đặc trưng “có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực LLSX hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” (1991 – 2006), kinh tế nước ta có nhiều khởi sắc, đạt nhiều thắng lợi mang tính bước ngoặt quan trọng. Tháng 8/1987, Hội nghị Trung ương 3 (Khóa VI) ra Nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, từng bộ phận của cơ chế cũ được xóa bỏ, cơ chế mới từng bước hình thành. Năm 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10 (Khoán 10), thiết thực “cởi trói” cho nền kinh tế; nông nghiệp, công nghiệp, ngành dầu khí bắt đầu có bước phát triển (giai đoạn 1989 – 1990, lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo; giá trị sản lượng công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng tăng khoảng 60% so với 1985). Đặc biệt, năm 1991, tăng trưởng GDP đạt 5,8%, lương thực đủ ăn, có dự trữ và xuất khẩu; LLSX xã hội bước đầu được giải phóng, nhân dân tích cực tham gia sản xuất, kinh doanh; các mặt xã hội và đời sống nhân dân có nhiều tiến bộ.

Bằng việc triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm (2001 – 2010) và Kế hoạch 5 năm (2001 – 2005) mà Đại hội lần thứ IX của Đảng thông qua, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả

thắng lợi khả quan. Tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5%/năm, đặc biệt năm 2005 đạt mốc 8,4%; trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 3,8%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,2%, các ngành dịch vụ tăng 7%. Năm 2005, quy mô tổng sản phẩm trong nước đạt 837,8 nghìn tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 1995. Thu nhập bình quân đầu người khoảng 10 triệu đồng (tương đương 640 USD), vượt mức bình quân của các nước đang phát triển có thu nhập thấp (500 USD) (Võ Hồng Phúc, 2006). Năm 2005, Việt Nam đứng thứ nhất thế giới về xuất khẩu hạt tiêu; đứng thứ hai, thứ ba thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê, hạt điều và đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu cao su.

2. Tiếp tục phát triển tư duy lý luận về CNXH ở Việt Nam, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006) đã có sự điều chỉnh trong nhận thức về đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa điều chỉnh thành “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006).

Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ, chính xác hơn quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX và cũng từ đó, đặc trưng kinh tế cũng được điều chỉnh phù hợp. Theo đó, xét đến cùng, CNXH phải xác lập được QHSX dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, song đó là một quá trình lâu dài với những lộ trình, bước đi cụ thể trong từng giai đoạn lịch sử. Tư duy lý luận đó là một bước tiến nhằm khắc phục một bước những sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí của thời kỳ trước. Có thể nói, mọi sự điều chỉnh về QHSX của Đảng tại Đại hội lần thứ X trong đặc trưng về kinh tế không chỉ đảm bảo thể hiện bản chất của CNXH theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin mà còn là cơ sở cho việc đảm bảo địa vị làm chủ của nhân dân lao động, là cơ sở để xóa bỏ tận gốc nạn người áp bức, bóc lột người, tạo điều kiện để con người phát triển

tự do, toàn diện, khắc phục bất bình đẳng giữa các tộc người trong quốc gia/dân tộc.

Từ sự thay đổi tư duy, nhận thức về đặc trưng kinh tế của Đảng, thực tiễn áp dụng đã tạo bước phát triển mạnh mẽ và thu được nhiều thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2006 – 2010, cụ thể: tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 7,01%/năm, đặc biệt giai đoạn 2006 – 2007 đạt 8,34%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 3,34%/năm, đặc biệt giai đoạn 2006 – 2007 tăng 3,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,94%/năm, đặc biệt giai đoạn 2006 – 2007 tăng 10,30%; khu vực dịch vụ tăng 7,73%/năm, đặc biệt giai đoạn 2006 – 2007 tăng 8,57%. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tăng từ 11 triệu 694 nghìn đồng năm 2006 lên 22 triệu 778 nghìn đồng năm 2010, tăng gấp gần 2 lần so với năm 2006 (nếu tính theo USD, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tăng từ 730 USD năm 2006 lên 1.168 USD năm 2010) (Trang Thông tin điện tử Tổng Cục Thống kê, 2020).

3. Sau 20 năm (1991 – 2011) thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, năm 2011, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã tiếp tục đổi mới tư duy, điều chỉnh đặc trưng kinh tế thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa thành “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Đặc trưng kinh tế được xác định tại Đại hội XI của Đảng được tiếp tục kế thừa cho đến hiện nay.

Với đặc trưng kinh tế được xác định tại Đại hội XI của Đảng, có thể thấy, Đảng ta đã trung thành, kế thừa lý luận cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về “quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX”. Cụ thể, để tạo dựng phương thức sản xuất XHCN phải chú trọng cả hai yếu tố LLSX và QHSX, trong đó, yếu tố LLSX luôn đặt ở vị trí quyết định so với QHSX; phát triển LLSX hiện đại hơn thời kỳ CNTB và QHSX phù hợp với LLSX ở mỗi giai đoạn

lịch sử nhất định của đất nước; xây dựng QHSX bám sát mục tiêu bản chất XHCN. Cho nên, một mặt, Đảng ta kiên định quan điểm “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại...”; mặt khác, linh hoạt điều chỉnh QHSX để QHSX thật sự phù hợp với trình độ LLSX trong mỗi giai đoạn lịch sử phát triển kinh tế – xã hội đất nước. Theo đó, Đảng ta sáng suốt đổi mới nhận thức, điều chỉnh tư duy lý luận về QHSX từ “... chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu” sang “... QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX” và hiện nay là “... QHSX tiến bộ phù hợp”. Sự điều chỉnh QHSX trong đặc trưng kinh tế cho thấy, tư duy, nhận thức lý luận của Đảng ta về xây dựng QHSX trong đặc trưng kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH là đang hướng đến mục tiêu cần “phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn”, như V.I.Lênin đã xác định: “Trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào, khi giai cấp vô sản đã làm xong nhiệm vụ giành chính quyền rồi, và trong chừng mực mà nhiệm vụ tước đoạt và nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của chúng đã được hoàn thành trên những nét chủ yếu và cơ bản – thì tất nhiên, có một nhiệm vụ căn bản khác được đề lên hàng đầu, đó là: thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động, và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn” (V.I.Lênin, 2005).

Đồng thời, để có thể thúc đẩy LLSX, quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX đặt ra yêu cầu là phải xác lập được QHSX phù hợp, nếu không, chính QHSX lại trở thành “xiềng xích” cản trở sự phát triển của LLSX. Nhận thức đúng yêu cầu trên, Đảng ta đã điều chỉnh và xác lập quan điểm “QHSX tiến bộ phù hợp” là một sự vận dụng rất linh hoạt và khoa học. Cơ sở thực tiễn của quan điểm này là ở chỗ, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước ở Việt Nam, khi trình độ của LLSX còn rất đa dạng, tất yếu có nhiều QHSX cùng tồn tại là một sự phù hợp tất yếu khách quan. Điều này

có nghĩa, bên cạnh kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là chủ đạo còn có kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư từ nước ngoài và kinh tế hỗn hợp.

Đặc biệt, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta xác định mục tiêu cuối cùng của CNXH ở Việt Nam là phải tiến tới xác lập một chế độ xã hội tốt đẹp, không còn áp bức, bất công, con người được phát triển tự do, toàn diện; song, để đạt được mục tiêu đó là một quá trình lâu dài, phải qua nhiều khâu trung gian, quá độ. Vì vậy, cùng với quá trình giải phóng, nâng cao trình độ của LLSX, cần thiết phải thiết lập QHSX tiến bộ phù hợp. Đây cũng không phải là “một bước thụt lùi”, một sự xa rời các nguyên tắc mác-xít mà là sự đổi mới nhận thức cho phù hợp hơn với thực tiễn đất nước và thời đại. Về vấn đề này, V.I.Lênin đã từng khẳng định: “Biến toàn bộ cái vốn vô cùng phong phú về văn hóa, tri thức, và về kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã tích lũy lại, cái vốn mà về mặt lịch sử tất phải cần thiết cho chúng ta, biến tất cả cái đó từ chỗ là công cụ của chủ nghĩa tư bản thành công cụ của CNXH” (V.I.Lênin, 2005). Vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng đề cập, khi Người cho rằng “Nếu nước độc lập mà dân không hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”; “Mục đích của CNXH là gì? Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”; “CNXH là làm sao cho dân giàu, nước mạnh” (Hồ Chí Minh, 2011).

Như vậy, với tư cách là một phương thức sản xuất tiên bộ hơn chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn thấp là CNXH không thể không xây dựng một nền kinh tế phát triển cao dựa trên một trình độ ngày càng hiện đại của LLSX với một QHSX tiến bộ phù hợp. Đó là “cốt vật chất” cần thiết, suy cho cùng quyết định thắng lợi của chế độ xã hội mới. Nhận thức trên đây là một bước tiến có tính đột phá, đã khắc phục một bước tư duy chủ quan trong phát triển kinh tế. Cũng nhờ đó, tiềm năng sáng tạo của nhân

dân được khơi thông, nguồn lực xã hội được huy động tốt hơn, phục vụ mục tiêu phát triển. Sự điều chỉnh trong đặc trưng về kinh tế qua các kỳ Đại hội là cần thiết, đúng đắn và có cơ sở chắc chắn, phục vụ cho mục tiêu cuối cùng của CNXH là giải phóng con người một cách triệt để, tạo điều kiện để con người phát triển tự do, toàn diện. Tuy nhiên, cần thấy rằng, đó là mục tiêu sau khi đã có CNXH hoàn thiện, đầy đủ. Trong thời kỳ quá độ, mục tiêu đó từng bước mới đạt được.

Thành tựu 10 năm thực hiện đặc trưng “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp” theo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) mang lại đã chứng minh sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng về đặc trưng kinh tế là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp xu thế khách quan của đất nước và thời đại; đất nước có được cơ đồ tươi sáng, tiềm lực mạnh mẽ, vị thế nâng cao và uy tín quốc tế rộng mở. Theo như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Việt Nam trong 10 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn, nhưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện.

3.3. Thành tựu thực tiễn hơn 30 năm thực hiện đặc trưng về kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991 – 2021)

Như vậy, cho đến nay, Đảng ta đã dày công nghiên cứu, tổng kết thực tiễn; đổi mới tư duy, nhận thức; bổ sung lý luận và vận dụng sáng tạo, khoa học “quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX” của chủ nghĩa Mác – Lênin vào xây dựng lý luận và tổ chức thực hiện đặc trưng về kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Trên cơ sở nghiên cứu nhận thức của Đảng về đặc trưng kinh tế ở các văn kiện, tài liệu khoa học, chúng tôi khẳng định: Việc xác định đặc trưng về kinh tế của xã hội xã hội

chủ nghĩa ở nước ta là một trong những đột phá về tư duy lý luận của Đảng. Một mặt, Đảng ta đã trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; mặt khác Đảng ta luôn đổi mới trong vận dụng, phát triển sáng tạo phù hợp điều kiện cụ thể của đất nước.

Nhận thức, lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế tập thể từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta. Mô hình tăng trưởng kinh tế từ chủ yếu theo chiều rộng trước đây đã có sự chuyển biến sang kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, tăng cường gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Vai trò quản lý của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp với cơ chế thị trường, dân chủ trong đời sống kinh tế – xã hội được phát huy mạnh mẽ. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực; tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm, tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng, lĩnh vực du lịch, dịch vụ có bước phát triển khá. Nông nghiệp, kinh tế nông thôn có bước phát triển mạnh, tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế; chương trình xây dựng nông thôn mới hoàn thành sớm hơn gần

2 năm so với kế hoạch đề ra, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân. Kinh tế số bước đầu được quan tâm, chú trọng. Hội nhập kinh tế quốc tế phát triển sâu, rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức; ký kết nhiều hiệp định thương mại song phương, đa phương thế hệ mới; xuất, nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của đất nước.

Hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội (năm 1996) và tình trạng kém phát triển (năm 2010), trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển (năm 2020, GDP đạt trên 268 tỉ USD tăng gần 10 lần so với 1985; thu nhập bình quân đầu người đạt 2.750 USD/người/năm so với 230 USD năm 1985; khoảng cách GDP/người/năm thu hẹp với Singapore từ 125 lần xuống còn 22 lần, Thái Lan từ 16 lần xuống còn 2,3 lần, Nhật Bản từ 267 lần xuống còn 15 lần; tỷ lệ nghèo năm 1985 trên 60%, giảm xuống còn dưới 3%...) (Sự thật, 2021). Đặc biệt, những năm cuối nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII, mặc dù đại dịch COVID-19 và thiên tai, bão lũ nghiêm trọng liên tiếp xảy ra ở các tỉnh miền Trung, tác động nặng nề tới mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 – 2020 vẫn đạt khoảng 6%/năm (riêng năm 2020 tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91% là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD/người). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 – 2015 lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016 – 2020.

Tất cả những thành tựu đạt được trong thực tiễn từ quá trình tổ chức hiện thực hóa lý luận về đặc trưng “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiên bộ phù hợp” là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng. Đặc trưng “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiên bộ phù hợp” là chiến lược cách mạng lâu dài, cần được tiếp tục nghiên cứu thực hiện trong sự đổi mới sáng tạo về tư duy lý luận và thực tiễn. Trong điều kiện mới, hợp tác quốc tế được mở rộng, việc xây dựng nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại không chỉ đóng khung trong khuôn khổ các nước bạn bè truyền thống mà còn với tất cả các quốc gia trên thế giới, với đa dạng hình thức và mức độ quan hệ đối ngoại; việc xây dựng QHSX tiên bộ phù hợp phải đảm bảo khai thác nhiều nhất, hiệu quả nhất mọi nguồn lực tiềm năng, lợi thế, vị thế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho đất nước.

Hiện nay, Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục có những bước phát triển mới trong tư duy lý luận về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam, trong đó có vấn đề đặc trưng về kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Tuy không có phần trình bày riêng về các đặc trưng song nhiều nội dung mới đã được bổ sung, phát triển. Về đặc trưng kinh tế, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII cụ thể hóa thể chế kinh tế và khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng

được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Do vậy, cả nội hàm và ngoại diên của đặc trưng “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiên bộ phù hợp” cần được tiếp tục xác định, mở rộng và giải quyết đúng đắn, đáp ứng tốt nhất yêu cầu vật chất, kỹ thuật cho mục tiêu phát triển tổng quát của cách mạng giai đoạn 2021 – 2025 và những năm tiếp theo được xác định là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

4. KẾT LUẬN

Hơn 30 năm thực hiện đặc trưng về kinh tế theo Cương lĩnh năm 1991 và 10 năm theo Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, nền kinh tế nước ta đã tăng trưởng, bước lên một bậc cao về sự phát triển. Tư duy giáo điều, chủ quan, duy ý chí về đặc trưng kinh tế đã được khắc phục, góp phần hình thành và từng bước hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng. Nhờ đó, lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam càng ngày càng sáng tỏ hơn; đồng thời, qua thực tiễn lãnh đạo, cầm quyền, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển mới chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm phong phú, sâu sắc hơn lý luận về đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, góp phần hình thành hệ quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng “cách mạng là sáng tạo”, “chân lý là cụ thể”. Đặc

biệt, đặc trưng về kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được xác định khoa học, chắc chắn, có tính toàn diện, cách mạng và sát hợp thực tiễn của đất nước, phù hợp với xu thế của thời đại; trở thành cơ sở định hướng cho nhận thức và hoạt động thực tiễn về mô hình kinh tế của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; tiềm năng, lợi thế của đất nước, các nguồn lực xã hội được khơi thông mạnh mẽ, phục vụ hiệu quả hơn mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là cơ sở lý luận của chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc; là cơ sở để chỉ đạo thực tiễn nhằm “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021) để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (2019). *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị – Triết học Mác – Lênin*. Hà Nội: Nxb Lý luận chính trị.
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2021). *Giáo trình Trung cấp Lý luận chính trị – Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*. Hà Nội: Nxb Lý luận chính trị.
- Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập, Tập 3. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập, Tập 4. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập, Tập 10. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- V.I. Lênin. (2005). Toàn tập, Tập 36. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Võ Hồng Phúc. (2006). Những thành tựu về kinh tế – xã hội qua 20 năm đổi mới (1986 – 2005). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Tổng cục thống kê. (2020). *Kinh tế – xã hội thời kỳ 2006 – 2010 qua số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu*. Truy cập ngày 23/03/2022, tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/kinh-te-xa-hoi-thoi-ky-2006-2010-qua-so-lieu-mot-so-chi-tieu-thong-ke-chu-yeu>.
- Sự thật. (2021). *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử*. Truy cập ngày 15/02/2022, tại: <https://www.angiang.dcs.vn/Lists/BaoVeNenTangCuaDang/DispForm.aspx?ID=71>.